TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/KDTM-ST Ngày: 11-10-2019 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông V Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N
Địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân CCảnh – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh N.

Địa chỉ: Đường N, ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018)

Ông Nguyễn Xuân Cảnh ủy quyền lại cho ông Lê Quang A – Chức vụ:

CB.KHBL - Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2019).

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Phố 9, ấp 5, xã P, huyện Đ, Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1967.

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông A, bà N, ông V, bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2019 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần N - ông Lê Quang A trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn đồng Việt Nam số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015 và ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trung hạn đồng Việt Nam số SĐ01-2015316/KHTN ngày 25/3/2018 với các nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng: Mua xe ô tô tải kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (60 kỳ). Lãi suất cho vay: 10%/năm, được điều chỉnh hàng quý (vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 04, ngày 01 tháng 7 và 01 tháng 10 hàng năm) theo lãi suất thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh N trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng. Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số tiền chuyển nợ quá hạn và số ngày thực tế chậm trả. Bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc: hàng tháng và trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Số tiền nợ gốc và lãi phải thanh toán mỗi kỳ căn cứ theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị N đã ký hợp đồng thế chấp số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015 với Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N, tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô tải hiệu Chenglong biển kiểm soát 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, tải trọng: 17,9 tấn; số chỗ ngồi 02; màu xe bạc, năm sản xuất: 2015, được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027720 cho bà Nguyễn Thị N ngày 15/6/2019. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 15/6/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị N số tiền 900.000.000 đồng theo

khế ước nhận nợ số 01 ngày 15/6/2019 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 6/2019 tháng 9/2017, bà N đã thanh toán nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, tuy nhiên từ ngày 0510/2017 trở về sau thì bà N không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký (các lần trả nợ tiếp theo là ngày 04/8/2017; ngày 06/9/2017; ngày 22/02/2018; ngày 26/4/2018; ngày 25/5/2018; ngày 02/4/2019). Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 02/4/2019 là 631.105.455 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 447.408.000 đồng; tiền lãi là 182.052.794 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.644.661 đồng. Sau khi ngân hàng khởi kiện bà N tại Tòa án nhân dân huyện N thì bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 11/10/2019, bà N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 706.105.455 đồng, trong đó gồm: Tiền nợ gốc là 522.408.000 đồng, tiền lãi là 182.052.794 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.644.661 đồng.

Ngân hàng biết việc bà N chuyển nhượng xe ô tô tải hiệu hiệu Chenglong biển kiểm soát 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 cho ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp 4, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên thời điểm bán xe, chiếc xe trên vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N – chi nhánh N, việc bà N chuyển nhượng quyền sở hữu xe cho ông V không có văn bản chấp thuận của Ngân hàng. Thỏa thuận giữa bà N và ông V về việc ông V có trách nhiệm thay bà N trả số nợ còn lại cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015 cũng không có văn bản đồng ý của Ngân hàng, giữa ông V và Ngân hàng cũng không ký hợp đồng tín dụng vì vậy nay, nay ngân hàng thương mại cổ phần N chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà N, với các yêu cầu:

Buộc bà N phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 11/10/2019 là 466.203.286 đồng (bốn trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 377.592.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Nợ lãi: 79.938.606 đồng (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Nợ lãi quá hạn (tính trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán): 8.672.680 đồng (tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi bà N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ theo thì Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo hợp pháp là chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong biển kiểm soát 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, tải trọng: 17,9 tấn; số chỗ ngồi 02; màu xe bạc, năm sản xuất: 2015, được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027720 cho bà Nguyễn Thị N ngày 15/6/2019 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bà N để thu hồi nợ.

Ông Lê Quang A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/10/2019.

Bị đơn- bà Nguyễn Thị N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019:

Ngày 15/6/2015, bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh N để vay số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) với mục đích mua xe ô tô tải kinh doanh. Bà vay vốn với tư cách cá nhân, chồng bà là ông Trần Ngọc H đã chết. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 10%/tháng (được điều chỉnh hàng quý), lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà vào ngày 15/6/2015 theo giấy nhận nợ số 01 ngày 15/6/2015. Khi vay bà có thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô tải hiệu ChengLong, biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081. Hai bên có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015.

Sau khi giải ngân, bà đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 447.408.000 đồng tiền nợ gốc và 187.060.081 đồng nợ lãi.

Số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bà trả nợ gồm tiền nợ gốc: 452.592.000 đồng; nợ lãi tạm tính: 59.818.355 đồng và phạt lãi quá hạn tạm tính: 5.362.725 đồng tính đến ngày 04/5/2019 là đúng.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 60C-207.82 mà bà thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015 thì bà đã bán cho ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng mua bán xe ngày 08/02/2016. Do xe đang thế chấp tại Ngân hàng nên hợp đồng không công chứng, chứng thực và xe chưa làm thủ tục sang tên cho ông V. Bà bán xe cho ông V với giá 950.000.000 đồng. Bà và ông V thỏa thuận, ông V đưa cho bà số tiền 144.000.000 đồng, số tiền còn lại 806.000.000 đồng thì ông V có nghĩa vụ thay bà trả nợ tại Ngân hàng theo lịch trả nợ của Ngân hàng. Bà đã giao xe cho ông V sử dụng từ ngày 08/3/2016 cho đến nay. Việc thỏa thuận mua bán giữa bà và ông V bà có báo

cho Ngân hàng, ông V cũng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà nên số nợ còn lại là 517.773.080 đồng. Sau này, ông V không tiếp tục trả nợ, bà nhiều lần yêu cầu ông V tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông V cứ hẹn mà không thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh N thì bà có ý kiến: Số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng, số nợ này bà yêu cầu ông V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Trường hợp ông V không trả nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý phát mãi chiếc xe tải biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 để thu hồi nợ. Bà N không có yêu cầu phản tố hay bất kỳ yêu cầu nào khác.

Bà N xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và xét xử tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh V trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019:

Ngày 08/02/2016, ông có ký hợp đồng mua bán xe với bà N, theo đó ông mua của bà N chiếc xe ô tô tải hiệu ChengLong, biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 với giá 950.000.000 đồng.

Hai bên ký hợp đồng chưa có công chứng, chứng thực và chưa làm thủ tục sang tên vì ông V biết thời điểm ký hợp đồng chiếc xe đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N. Ông V và bà N thỏa thuận, ông V giao cho bà N số tiền 144.000.000 đồng, số tiền còn lại 806.000.000 đồng ông V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo lịch trả nợ của Ngân hàng. Bà N đã giao xe cho ông V sử dụng từ ngày 08/3/2016 cho đến nay. Hiện ông V vẫn đang quản lý sử dụng chiếc xe này. Sau khi nhận xe, ông V đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Gần đây do công việc làm ăn gặp khó khăn nên ông V không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng lịch trả nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền gốc và lãi, cụ thể tiền gốc: 452.592.000 đồng; nợ lãi tạm tính: 59.818.355 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính: 5.362.725 đồng tính đến ngày 04/5/2019, ông V có ý kiến như sau: Ông V sẽ chịu trách nhiệm thay bà N trả số nợ trên theo như thỏa thuận giữa ông và bà N. Trường hợp ông V không trả nợ được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô tải hiệu ChengLong biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 để thu hồi nợ.

Số tiền ông V đã trả cho bà N 144.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông trong thời kỳ hôn nhân. Vợ ông V tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông V không có yêu cầu độc lập trong vụ án và ông V xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2019:

Bà là vợ ông Nguyễn Anh V. Việc ông V ký hợp đồng mua bán xe với bà N mua chiếc xe ô tô tải hiệu ChengLong biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 với giá 950.000.000 đồng bà có biết. Tiền mua xe là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Hiện tại vợ chồng bà vẫn đang sử dụng, quản lý chiếc xe này. Theo bà được biết thì ông V có thỏa thuận với bà N sau khi nhận xe sẽ có trách nhiệm thay cho bà N trả nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh N theo lịch trả nợ của Ngân hàng. Do gần đây công việc làm ăn khó khăn nên ông bà không trả nợ đúng hạn theo lịch trả nợ của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện buộc bà N trả số nợ tạm tính đến ngày 01/10/2019 gồm nợ gốc là 377.592.000 đồng; tiền lãi là 78.323.352 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 8.367.343 đồng thì bà có ý kiến như sau: Bà cũng thống nhất với ông V sẽ có trách nhiệm thay bà N sẽ có trách nhiệm trả số tiền trên (tiền lãi vẫn tiếp tục tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm) theo như thỏa thuận giữa ông V và bà N.

Trường hợp vợ chồng ông bà không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận thì bà cũng đồng ý để Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, cụ thể Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô tải hiệu ChengLong biển số 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081 để thu hồi nợ. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bà H xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N số tiền gốc và lãi, lãi phạt theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp bà N không thanh toán các khoản nợ theo quy định đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại mục 1.1, Điều 1 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SĐ01-2015316/KHTN ngày 25/3/2018 " nếu có tranh chấp mà các bên không tự

thỏa thuận được thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện" thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào mục đích vay trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và bà Nguyễn Thị N, mục đích vay là để mua xe ô tô tải kinh doanh và Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trung hạn đồng Việt Nam số SĐ01-2015316/KHTN ngày 25/3/2018 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N và bà Nguyễn Thị N là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền: 900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Mua xe ô tô tải kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (60 kỳ). Lãi suất cho vay: 10%/năm, được điều chỉnh hàng quý (vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 04, ngày 01 tháng 7 và 01 tháng 10 hàng năm) theo lãi suất thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh N trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng. Trên thực tế, lãi suất áp dụng đối với khoản vay của bà N được điều chỉnh như sau: Từ ngày 15/6/2015 đến 03/6/2016, lãi suất 10%/năm (lãi suất theo hợp đồng tín dụng); từ 01/7/2016 đến ngày 06/9/2017, lãi suất 10.3%/năm (theo thông báo lãi suất cho vay phục vụ đời sống số 85/TB-NHT-KT ngày 15/6/2016, mục 5.2); từ ngày 01/10/2017 đến ngày 28/6/2019, lãi suất 11%/năm (theo thông báo lãi suất cho vay phục vụ đời sống số 101/TB-NHT-KT ngày 10/8/2017, mục 5.2). Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số tiền chuyển nợ quá hạn và số ngày thực tế chậm trả. Bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc: hàng tháng và trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Số tiền nợ gốc và lãi phải thanh toán mỗi kỳ căn cứ theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng tín dụng.

Bà N đã nhận tiền giải ngân 900.000.000 đồng vào ngày 15/6/2015 theo giấy nhận nợ ngày 15/6/2015 và tính đến ngày 11/10/2019, bà N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 706.105.455 đồng, trong đó gồm: Tiền nợ gốc là 522.408.000 đồng, tiền lãi là 182.052.794 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.644.661 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 05/10/2017 thì bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi hàng tháng như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Cụ thể, kể từ ngày 05/10/2017 đến thời điểm ngân hàng khởi kiện thì bà N chỉ trả nợ được 4 lần vào ngày 22/02/2018, ngày 26/4/2018, ngày 25/5/2018, ngày 02/4/2019. Do đó, mặc dù khoản vay chưa hết thời hạn nhưng do bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015 nên Ngân hàng khởi kiện bà N để thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại hồ sơ thể hiện trong thời hạn vay nợ bà Nguyễn Thị N đã chuyển nhượng chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong, số khung LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, biển số 60C-207.82 là tài sản dùng để đảm bảo cho ông Nguyễn Anh V đồng thời giữa ông V và bà N có thỏa thuận về việc ông V có trách nhiệm thay bà N trả nợ cho ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N theo hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015 kể từ ngày ông V nhận bàn giao xe. Hiện ông V đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô tải nói trên.

Xét việc chuyển nhượng xe ô tô tải nói trên giữa bà N và ông V không có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N trong khi chiếc xe đang thế chấp tại ngân hàng là không đúng theo quy định của pháp luật và vi phạm Điều 9 của hợp đồng thế chấp đã ký giữa bà N và ngân hàng. Việc bà N và ông V thỏa thuận ông V có trách nhiệm thay bà N trả nợ chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N, Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị H nên về mặt pháp lý bà N vẫn là người chịu trách nhiệm thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015. Tính đến ngày 11/10/2019, bà N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 706.105.455 đồng, trong đó gồm: Tiền nợ gốc là 522.408.000 đồng, tiền lãi là 182.052.794 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.644.661 đồng; số tiền bà N còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 466.203.286 đồng, trong đó nợ gốc là 377.592.000 đồng, nợ lãi là 79.938.606 đồng, lãi phạt là 8.672.680 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 466.203.286 đồng, trong đó nợ gốc là 377.592.000 đồng, nợ lãi là 79.938.606 đồng, lãi phạt là 8.672.680 đồng.

[4.2] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N với bà Nguyễn Thị N được ký kết đúng thẩm quyền, đúng

thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, bà Nguyễn Thị N đã dùng tài sản là chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, biển số: 60C-207.82 do bà Nguyễn Thị N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay bà Nguyễn Thị N không thanh toán nợ theo đúng hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nợ theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 2015316/KHTN ngày 15/6/2015, Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015 và Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong biển kiểm soát 60C-207.82, số khung: LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081của bà Nguyễn Thị N để thu hồi nợ trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Đối với hợp đồng mua bán xe ký kết giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Anh V ngày 08/2/2016 đối với chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong, số khung LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, biển số 60C-207.82: Do bà N và ông V, bà H không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điểm b, khoản 1, Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều ; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91;

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/10/2019 là: 466.203.286 đồng (bốn trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc là: 377.592.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Nợ lãi là: 79.938.606 đồng (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng)

Tiền lãi phạt quá hạn là: 8.672.680 đồng (tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi đồng) . Và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi bà N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 2015186/HĐTC.TN ngày 15/6/2015, tài sản là chiếc xe ô tô tải hiệu Chenglong, số khung LGGX5D654FL214705; số máy: YC6L31033L3CL1F01081, biển số 60C-207.82 đã được phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bà Nguyễn Thị N số 027720, ngày 15/6/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại cho bà Nguyễn Thị N. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 12.355.000 đồng (mười hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000676 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hoài Đức Huệ Trần Văn Điệp Bùi Thị Thu Trang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang